

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2025/HN-ST

Ngày: 10/4/2025

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trịnh Văn Bé, ông Lê Đức Thụy

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Nguyễn Phương Vy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Lê Trần Long, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2025/TLST-HN ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-HN ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Lê Văn S, sinh năm 1977, cư trú: số nhà D, tổ A, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1974, cư trú: số nhà D, tổ A, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 07/02/2025, nguyên đơn ông Lê Văn S trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hồng P tự tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ tháng 8 năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2015 đã phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cự cãi do bên vợ có những lời lẽ xen vào cuộc sống hai vợ chồng, nhưng vợ chồng vẫn cố gắng hàn gắn, đến tháng 12 năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bà P.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 01/07/1997 (đã thành niên) và Lê Thị Xuân M1, sinh ngày 18/12/2002 (đã thành

niên), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Bà và ông Lê Văn S quen biết nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ tháng 8 năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng ly thân, mỗi người tự làm tự sống chứ không còn quan tâm với nhau. Nay ông S yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 01/07/1997 (đã thành niên) và Lê Thị Xuân M1, sinh ngày 18/12/2002 (đã thành niên), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số nợ 80.000.000 đồng mà ông S mượn của bà để làm đám cưới cho em ruột ông S thì bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà P. Về con chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết do hai con chung đã thành niên, về tài sản chung, nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Hồng P là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Văn S có đơn yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng P, bà P cư trú ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà P sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996, đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại công văn số 242/UBND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã M thể hiện nội dung, qua rà soát dữ liệu hộ tịch được lưu trữ tại địa phương, không tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn của bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1974 với ông Lê Văn S, sinh năm 1977. Do đó, hôn nhân giữa ông S, bà P đã vi phạm quy định pháp luật về đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận ông S và bà P là vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 01/07/1997 và Lê Thị Xuân M1, sinh ngày 18/12/2002, hiện nay hai con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Hồng P là vợ chồng.

Về án phí sơ thẩm: ông Lê Văn S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024041 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 07 tháng 02 năm 2025.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt được tính là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuyên